

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 6 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Minh

Ông Phạm Văn Liệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Thanh T, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 53, Tuyến dân cư B, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Phạm Quốc H, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 53, Tuyến Dân cư B, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Phạm Quốc H kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/12/2009. Hôn nhân giữa chị T và anh H được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do anh H không quan tâm vợ con, không chăm lo kinh tế và cuộc sống gia đình mà thường xuyên uống rượu, say xỉn. Từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng

dần phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị T và anh H không còn sống chung từ tháng 8/2020 đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Quốc N, sinh ngày 24/4/2009 và Phạm Thị Ngọc M, sinh ngày 12/4/2013. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Quốc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh H không có văn bản ghi ý kiến về việc chị T yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Phạm Quốc H có địa chỉ tại Số 53, Tuyến dân cư B, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Phạm Quốc H là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/12/2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại phiên tòa, chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, xa nhau thời gian dài nhưng cả hai đều không liên lạc nhau, anh H không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế của gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng còn quan tâm lẫn nhau, anh H không chăm lo làm ăn để cùng chị T xây dựng hạnh phúc gia đình mà thường xuyên uống rượu, say xỉn, từ đó khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống xa nhau

thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Phạm Quốc N, sinh ngày 24/4/2009 và Phạm Thị Ngọc M, sinh ngày 12/4/2013. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị T. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh H không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N và cháu M sống với chị T đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt, sống với mẹ sẽ thuận lợi cho việc học tập và điều này phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu tại Văn bản ghi ý kiến và Biên bản lấy lời khai, cùng ngày 02/3/2020. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi 02 con chung N và M là phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H cũng không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Quốc H.

Về con chung: Chị Trần Thị Thanh T được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Quốc N, sinh ngày 24/4/2009 và Phạm Thị Ngọc M, sinh ngày 12/4/2013, hiện 02 con chung đang sống với chị T. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T

không yêu cầu.

Chị T và anh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011118 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND thị trấn T, H. Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Xuân Nữ